

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-5-2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Lê Thị Thu Hồng**.

+ Ông **Ngô Văn Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Nhật Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Việt C** - Sinh năm: 1990, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Bùi Thị Mỹ N** - Sinh năm: 1996; địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2021, bản tự khai ngày 26 tháng 3 năm 2021, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là anh Lê Việt C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Mỹ N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09 tháng 12 năm 2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, trong lúc nóng giận anh có đánh chị N một tát tay.

Chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không về chung sống cùng anh để chăm lo cho con. Anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh C cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn với chị N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

Về con chung: Anh và chị N có một người con chung là: Lê Hoàng L - Sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012, hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh C trình bày là không có.

Bị đơn là chị Bùi Thị Mỹ N vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của chị về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Lê Việt C, chị Bùi Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Riêng anh Lê Việt C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Việt C, cụ thể:

Về hôn nhân: Anh Lê Việt C được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ N, ghi nhận anh C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

Về con chung: Anh Lê Việt C được quyền trực tiếp nuôi người con chung là Lê Hoàng L - Sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Việt C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với chị Bùi Thị Mỹ N có địa chỉ tại: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ

lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 26 tháng 3 năm 2021 và anh C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, anh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh C, chị N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân:

[4.1] Anh C với chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09 tháng 12 năm 2014, việc kết hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[4.2] Anh C cho rằng hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị N. Trên cơ sở lời trình bày của anh C, biên bản lấy lời khai để xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa anh C và chị N có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Đồng thời chị N cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C với chị N đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh C về việc ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung:

[5.1] Anh C yêu cầu được nuôi người con chung là Lê Hoàng L - Sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012. Xét thấy, Lê Hoàng L hiện nay đã trên bảy tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét đến nguyện vọng của con”*. Tại biên bản hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình lập ngày 26 tháng 3 năm 2021 (bút lục số 32) thì Lê Hoàng L có nguyện vọng muốn được sống chung với cha là anh C. Đây là sự tự nguyện của cháu L mà không ai ép buộc. Đồng thời kể từ khi anh C, chị N sống ly thân cho đến nay thì anh C là người trực tiếp nuôi con, thực hiện tốt việc nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của anh C về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5.2] Anh C không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị N vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của chị có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên anh phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Việt C, cụ thể:

1/ Về hôn nhân: Anh Lê Việt C được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ N.

2/ Về con chung:

2.1) Anh Lê Việt C được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa anh với chị Bùi Thị Mỹ N là: Lê Hoàng L - Sinh ngày 07 tháng 10 năm 2012 (hiện đang sống chung với anh C) cho đến khi cháu L đủ mười tám tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

2.2) Chị Nương có quyền thăm nom con; không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Trong trường hợp chị N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

2.3) Vì lợi ích của con chung, anh C, chị N, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Việt C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005932 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh Lê Việt C, chị Bùi Thị Mỹ N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên

